

Số: 18/2024/QĐST-HNGĐ

Lục Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa:

Anh **Hoàng Đức N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 4, xã Mùòng L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 4, xã Mùòng L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Căn cứ vào Điều 147, 212 và 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** anh Hoàng Đức N và chị Hoàng Thị N.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Đức N và chị Hoàng Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Hoàng Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Hoàng Minh K, sinh ngày 06-02-2019 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh Hoàng Đức N nhận chịu số tiền: 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0001653 ngày 08-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên - tỉnh Yên Bái. Anh N được hoàn lại 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã M;
- (GCN kết hôn số: 37 ngày 19-9-2018)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, tập QĐ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đăng Ninh**

